

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07-9-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Bảo N; nơi cư trú: Số 24/166 C, phường H, Quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Mạnh T; nơi cư trú: Số 62/61/52 M, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Bảo N trình bày: Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn

số 162 quyền số 01 ngày 25/12/2013 tại Ủy ban nhân dân phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng. Đến nay, vợ chồng đã có 01 con chung.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Thực tế khoảng 01 năm nay, hai mẹ con chị đã về nhà mẹ đẻ ở, hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Tùng A, sinh ngày 20/11/201X. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Mạnh T vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại bản tự khai anh T trình bày:

Anh thống nhất với lời khai của chị N về điều kiện kết hôn và thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nhau dẫn đến cãi vã nhau. Nay anh cũng xác định tình cảm giữa anh và chị N không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Tùng A, sinh ngày 20/11/201X. Sau khi ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật; bị đơn đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị Phạm Thị Bảo N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T;

- Về con chung: Giao con chung Phạm Tùng A, sinh ngày 20/11/201X cho chị Phạm Thị Bảo N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và biên bản làm việc ngày 20/6/2018 thể hiện anh T có nơi cư trú tại số 62/61/52 Miếu Hai Xã, phường Dư Hàng K, Quận L, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị Bảo N và anh Nguyễn Mạnh T tuân thủ đúng quy định tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đều xác nhận là vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T trên thực tế đã không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế qua xác minh tại chính quyền địa phương cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và

phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Hai bên có 01 con chung là Phạm Tùng A, sinh ngày 20/11/201X. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi con chung, anh T cũng đồng ý để chị N nuôi dưỡng con chung. Vì vậy giao con chung Phạm Tùng A cho chị N nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Chị Phạm Thị Bảo N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Bảo N và anh Nguyễn Mạnh T.

- Về con chung: Giao con Phạm Tùng A, sinh ngày 20/11/201X cho chị Phạm Thị Bảo N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Bảo N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị N đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005088 ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Bảo N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Mạnh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận Lê Chân;
- UBND phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng (GCNKH 2013);
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Nam Ninh